

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Năm báo cáo: 2013

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600512830
- Vốn điều lệ: 806.856.880.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 962.216.873.778 đồng
- Địa chỉ: G4A, Khu phố 4, phường Tân Hiệp, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai.
- Số điện thoại: 0613 823 187
- Số fax: 0613 829 043
- Website: tienlengroup.com.vn
- Mã cổ phiếu: TLH

2. Quá trình hình thành và phát triển.

– Khởi đầu từ năm 1988 đến năm 1991 mà tiền thân là một cửa hàng vật liệu xây dựng đến năm 1993 được chuyển đổi thành doanh nghiệp tư nhân Tiến Lên, với ngành nghề kinh doanh chính là buôn bán vật liệu xây dựng, trong đó, sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm về sắt thép. Sau 10 năm hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân Tiến Lên, Công ty đã chuyển đổi lần thứ nhất thành Công ty TNHH Tiến Lên ngày 22/11/2001 với mức vốn điều lệ ban đầu chỉ là: 15.000.000.000 đồng.

– Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty TNHH, lĩnh vực hoạt động của Tiến Lên được mở rộng, doanh thu và lợi nhuận tăng nhanh vượt bậc trong giai đoạn năm 2006 đến năm 2008. Đến cuối năm 2008, Tiến Lên đã tăng vốn lên 226 tỷ đồng với doanh thu trên 1.000 tỷ đồng mỗi năm. Cũng tại thời điểm này, Công ty đã tiến hành mua lại phần lớn vốn góp, sáp nhập 02 Công ty sản xuất và gia công thép hình khác là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc và Công ty TNHH Thép Tây Nguyên thành công ty con của Tiến Lên với mức chi phối trên 95%, giúp cho Tiến Lên trở thành một trong những doanh nghiệp đi đầu cả nước trong việc sản xuất và kinh doanh thép hình U,I,V các loại.



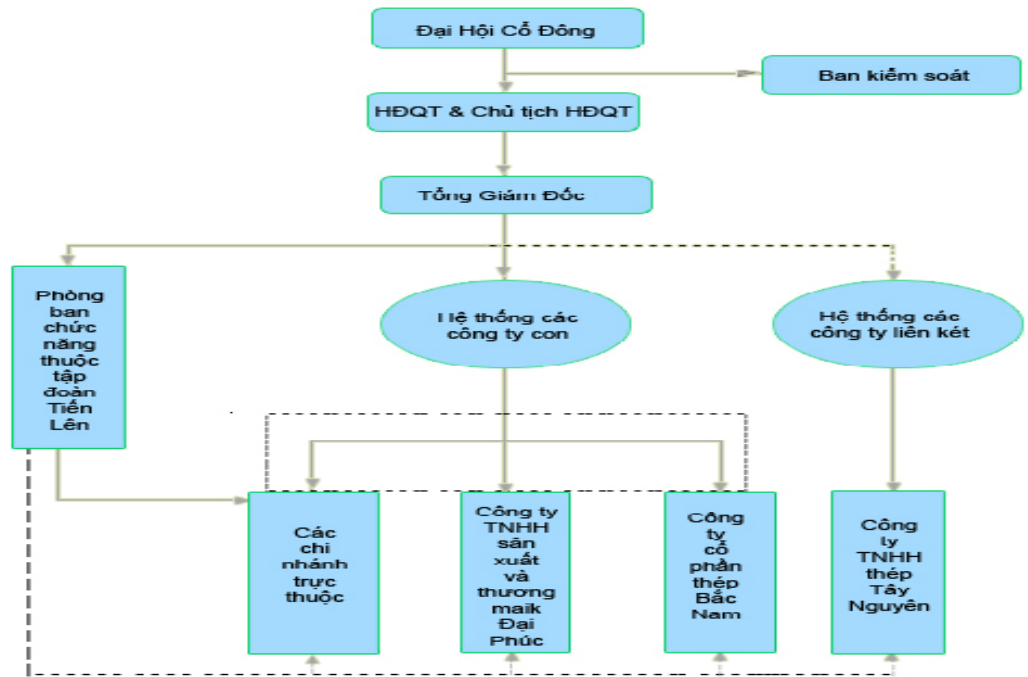
- Do nhu cầu mở rộng sản xuất, tạo đà phát triển ngày một vững mạnh và khẳng định thương hiệu trên thương trường, vào ngày 18/8/2009 Công ty đã quyết định chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiến Lên thành Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên.
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên bắt đầu đi vào hoạt động kể từ ngày 01/10/2009
- Niêm yết: trên sàn HOSE ngày 16/03/2010.
- Công ty hoạt động ổn định đến nay.

3. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.***

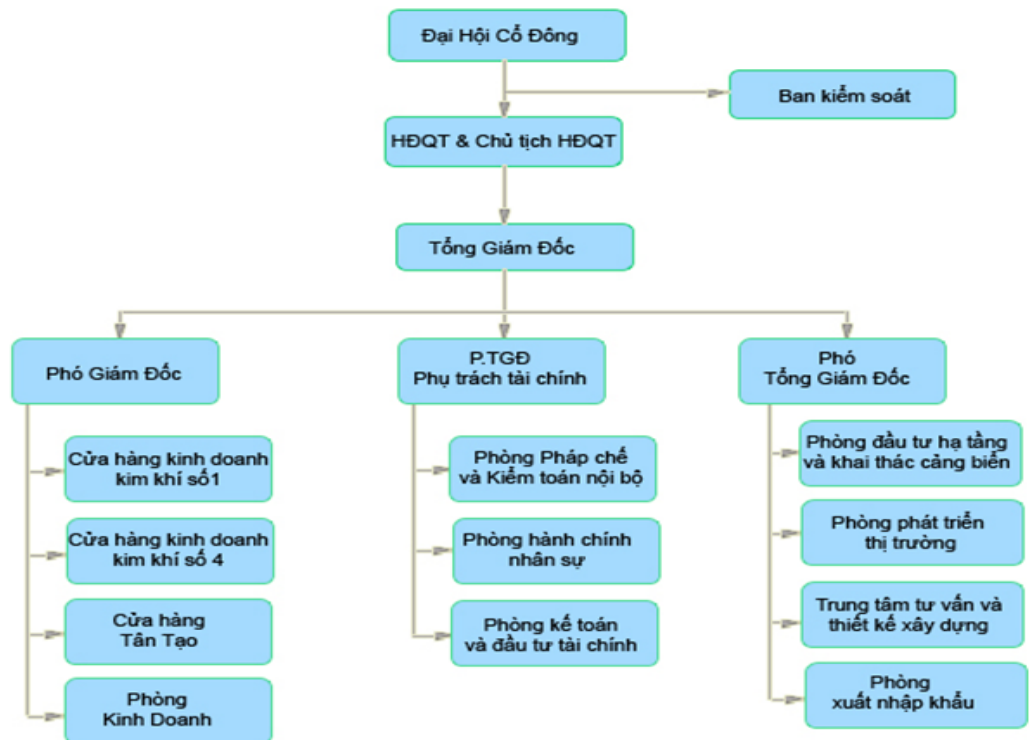
- Ngành nghề kinh doanh:
 - o Sản xuất, Gia công cắt cán kéo kim loại (chiếm trên 10% doanh thu)
 - o Mua bán, đại lý vật liệu xây dựng, sắt, thép (chiếm trên 10% doanh thu).
 - o Mua bán nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội thất. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí, Sửa chữa máy nông nghiệp (không gia công, sửa chữa tại trụ sở). Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại – dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cầu, cảng, bến bãi, kho bãi, nhà xưởng. Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (từ nguồn hợp pháp và không chế biến tại trụ sở).
- Địa bàn kinh doanh:
 - o Khu vực miền đông nam bộ (chiếm trên 10% doanh thu)
 - o Khu vực miền tây nam bộ (chiếm trên 10% doanh thu)
 - o Khu vực thành phố Hồ Chí Minh (chiếm trên 10% doanh thu)
 - o Khu vực miền trung (chiếm trên 10% doanh thu)
 - o Xuất khẩu sang các nước Asian.
 - o Hoạt động kinh doanh của Công ty trải rộng khắp cả nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

– Mô hình quản trị.



– Cơ cấu bộ máy quản lý.



– Các công ty con, công ty liên kết:

1) Công ty TNHH Thép Tây Nguyên:

- Địa chỉ: Lô 12 lô 14, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301962730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/08/1999
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sắt thép xây dựng và thép ống. Xây dựng công nghiệp và dân dụng. Mua bán sắt thép, thiết bị, phụ tùng, vật tư, máy móc, kim khí điện máy, thủ công mỹ nghệ, vật liệu xây dựng, hương liệu, công nghệ phẩm. Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Cho thuê kho bãi và nhà xưởng./.
- Vốn điều lệ đến 31/12/2013 là 161 tỷ đồng trong đó tập đoàn Tiến Lên góp 156,73 tỷ chiếm 97,35%.

2) Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đại Phúc:

- Địa chỉ: Lô số 8, đường Song Hành, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102007542 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/11/2001.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và gia công cơ khí, cắt, cán kéo kim loại, sắt xây dựng. Chế tạo máy công nghiệp. Mua bán sắt thép; thiết bị, máy công nghiệp, máy ô tô. Cho thuê kho bãi. Chế tạo, lắp đặt, mua bán thiết bị nâng hạ. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường.
- Vốn điều lệ đến 31/12/2013 là 120 tỷ đồng trong đó tập đoàn Tiến Lên góp 115 tỷ chiếm 95,83%/Vốn điều lệ.

3) Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến.

- Địa chỉ: Lô số 3 - 9A, Cụm tiểu thủ công nghiệp Hai Bà Trưng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/05/2013.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sắt thép, buôn bán sắt thép, nhôm đồng nguyên liệu, gia công cơ khí, cắt, cán kéo kim loại, sắt xây dựng. Chế tạo máy công nghiệp. Mua bán sắt thép; thiết bị, máy công nghiệp, máy ô tô. Cho thuê kho bãi. Chế tạo, lắp đặt, mua bán thiết bị nâng hạ. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường.



- Vốn điều lệ đến 31/12/2013 là 214.400.300.000 đồng trong đó tập đoàn Tiến Lên góp 214.400.300.000 đồng chiếm 100%/Vốn điều lệ.

4) Các Công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013:

a) Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên.

- Địa chỉ: Thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900218760 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 06/11/2013.
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng và ngành nước, nguyên vật liệu nhựa và sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ xây dựng, sản xuất và tiêu dùng; Sản xuất tấm lợp kim loại; Sản xuất cấu kiện thép hình, khung nhà tiền chế; Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, nông nghiệp, dân dụng và giao thông thủy lợi; Dịch vụ vận chuyên, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi; Gia công cơ khí, chế tạo máy công nghiệp, sản xuất ống thép, kinh doanh kim loại.
- Vốn điều lệ đến 31/12/2013 là 80.000.000.000 đồng trong đó Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến 80.000.000.000 đồng chiếm 100%/Vốn điều lệ.

b) Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên.

- Địa chỉ: Thôn Bắc Hà, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, Tp. Hải Phòng, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202007301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 03/03/2009.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các loại ống thép, ống inox, sản xuất các sản phẩm từ thép, Buôn bán vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng và ngành nước, nguyên vật liệu nhựa và sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ xây dựng, sản xuất và tiêu dùng; Sản xuất tấm lợp kim loại; Sản xuất cấu kiện thép hình, khung nhà tiền chế; Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, nông nghiệp, dân dụng và giao thông thủy lợi; Dịch vụ vận chuyên, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi; Gia công cơ khí, chế tạo máy công nghiệp, sản xuất ống thép, kinh doanh kim loại; Tư vấn. Môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất.

- Vốn điều lệ đến 31/12/2013 là 37.500.000.000 đồng trong đó Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến 27.000.000.000 đồng chiếm 72%/Vốn điều lệ.

4) Công ty cổ phần thép Bắc Nam:

- Địa chỉ: Dốc 47, KCN Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600479277 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 12/10/2000;
- Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất, mua bán các loại sắt, thép. Vận tải hàng hóa đường bộ. Kinh doanh kho bãi, dịch vụ bốc xếp. Xây dựng công trình, hạng mục công trình, chuẩn bị mặt bằng. Sửa chữa, chế tạo máy công nghiệp. Bổ sung : Mua bán ô tô phụ tùng ô tô. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại - dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cầu cảng, bến bãi. Trồng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (không chế biến tại trụ sở). Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa./.
- Vốn điều lệ đến 31/12/2013 là 360 tỷ đồng trong đó tập đoàn Tiến Lên góp 172,80 tỷ chiếm 48,00%/Vốn điều lệ.

5. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
 - Là Công ty hàng đầu trong nước về cung ứng các mặt hàng thép công nghiệp như thép cuộn, thép tấm và thép hình; Cơ sở sản phẩm hiện tại như các sản phẩm thép tiêu chuẩn thông dụng như CT3, SS400, Q235, Q354.
 - Đẩy mạnh khai thác hoạt động gia công cắt cán kéo kim loại phần đầu sau năm 2015, Cty chiếm trên 30% thị phần cắt cán kéo kim loại tại khu vực phía Nam.
 - Sau năm 2015 hoạt động Sản xuất và cán nóng trực tiếp các sản phẩm thay thế 40% trên tỷ trọng hàng nhập khẩu, với chất lượng đăng ký theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
 - Với phương châm hoạt động hiệu quả, uy tín chất lượng là hàng đầu, năm 2008 toàn hệ thống Công ty đã đón nhận danh hiệu Top 500 Doanh nghiệp lớn tại Việt Nam do báo điện tử Vietnamnet phối hợp cùng Công ty Vietnam Report và Trường ĐH Kinh doanh Harvard (Hoa Kỳ) tổ chức xếp hạng. Ngoài ra, cùng thời gian trên, tổ chức JAS-ANZ của Úc và Newzealand cũng đã cấp chứng nhận



Quacert, ISO 9001 – 2008 cho hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

- Chính những yếu tố đó đã tạo nên thế mạnh và lợi thế cạnh tranh của Công ty trên thị trường, tự tin để thực hiện các mục tiêu chiến lược trong các giai đoạn tiếp theo.
- Bên cạnh đó, Tiến Lên có được một nội lực vững mạnh, đó là sự trung thực, sự nhiệt huyết, sự đồng tâm hiệp lực của toàn thể cán bộ công nhân viên. Các cán bộ của Công ty luôn làm việc, phấn đấu hết sức mình vì sự tồn tại và phát triển của Tập đoàn. Các cán bộ công nhân viên của Tiến Lên còn được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, nắm vững kỹ thuật nên Công ty có đầy đủ nội lực để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.



- Công nghệ hiện đại là một yếu tố quan trọng góp phần sự thành công của Tập đoàn Tiến Lên. Các dây chuyền sản xuất của Tiến Lên đều được thiết kế và lắp đặt theo công nghệ tiên tiến nhất của các nước phát triển trên thế giới. Tiến Lên luôn an tâm về chất lượng cũng như số lượng sản phẩm, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của thị trường và cung ứng kịp thời các đơn đặt hàng với số lượng lớn.
- Với sức mạnh về tiềm lực tài chính tự có, cùng với việc các Định chế tài chính sẵn sàng tài trợ ưu đãi cho Tiến Lên số vốn khá lớn trong thời gian dài, Tiến Lên có thể chủ động trong việc dự trữ nguyên vật liệu, đề phòng biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào, đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu sản xuất sản phẩm với chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Tiến Lên áp dụng hệ thống thông tin theo dõi chặt chẽ trong hoạt động quản lý giá thành sản xuất, hàng hoá tồn kho và xuất bán. Do đó, Công ty có đầy đủ kết quả hoạt động của từng chi nhánh và

toàn bộ hệ thống Công ty theo từng ngày như doanh thu, lợi nhuận, công nợ, chi phí, giúp Ban lãnh đạo Tập đoàn có những quyết định chính xác và kịp thời trong điều hành kinh doanh hàng ngày.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
 - o Tạo công ăn việc làm cho người lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp cho xã hội, tạo môi trường lành mạnh cho người lao động phấn đấu hoàn thiện và phát triển.
 - o Đảm bảo và cam kết về chất lượng của tất cả các sản phẩm do doanh nghiệp cung cấp.

6. **Các rủi ro:**

- Công ty chịu rủi ro về sự biến động giá đột ngột do thay đổi chính sách của một trong các nước có nguồn cung thép trên thị trường thế giới, nó bao gồm thay đổi về chính sách tiền tệ, thay đổi về sắc thuế...
- Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

II. **Tình hình hoạt động trong năm.**

1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

- Năm 2013 là năm mà tình hình kinh tế trong Nước và Thế giới còn nhiều khó khăn, những khó khăn trên ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong việc triển khai chiến lược kinh doanh năm 2013 không có biến động lớn trong suốt năm toàn công ty tập trung tái cơ cấu lại hệ thống, quản lý chặt dòng tiền và dữ vững thị phần và doanh số bán.
- Vượt lên những khó khăn đó, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013 so với các Đơn vị trong ngành là rất ổn định, kết quả đạt được như sau.

- **Kết quả đạt được về quy mô và cơ cấu tài sản.**

Đvt. Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
TỔNG TÀI SẢN	1.599.380	1.981.169	23,9
Tài sản ngắn hạn	1.178.203	1.409.791	19,70
Tài sản dài hạn	421.176	571.377	35,70



TỔNG NGUỒN VỐN	1.599.380	1.981.169	23,90
Nợ phải trả	810.603	1.001.002	23,50
Vốn chủ sở hữu	773.431	962.216	24,40
Lợi ích của cổ đông thiểu số	15.345	17.753	15,70

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán.

– **Kết quả đạt được về hoạt động kinh doanh.**

CHỈ TIÊU	Đvt. Triệu đồng		
	NĂM 2012	NĂM 2013	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
Doanh thu thuần	2.820.825	3.052.582	8,20
Giá vốn hàng bán	2.695.026	2.992.052	11,00
Lợi nhuận gộp	125.799	60.529	-51,90
Doanh thu hoạt động tài chính	11.679	18.963	62,40
Chi phí hoạt động tài chính	40.225	-40.978	-201,90
Chi phí bán hàng	24.174	29.450	21,80
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.015	44.188	92,00
Lợi nhuận thuần từ hoạt động	50.064	46.833	-6,50
Thu nhập khác	6.932	103.834	1.397,90
Chi phí khác	7.536	20.688	174,5%
Lợi nhuận khác	(603)	83.146	-13.888,700
Lãi lỗ trong công ty liên kết	2.637	2.393	-9,30
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.097	52.097	0,0%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.249	21.387	131,20
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	622	-1.213	-295,00
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.	42.225	112.199	165,70
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số.	503	-2.130	-523,50
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	41.722	114.329	174,00

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	715	1.620	126,60
------------------------------------	-----	-------	---------------

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán.

2. Tổ chức và nhân sự.

Cơ cấu tổ chức và Nhân sự của Công ty gồm có Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, 06 Phòng/Ban nghiệp vụ công ty mẹ, Giám đốc và ban điều hành các Công ty con.

Ban Điều hành:

– Có 03 thành viên, Tổng Giám đốc do HĐQT cử, các Phó Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổng Giám đốc và theo Điều lệ Công ty.

❖ Các Phòng/Ban nghiệp vụ:

- Phòng Hành chính – Nhân sự
- Phòng Kế toán
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Đầu tư
- Phòng Xuất nhập khẩu
- Phòng pháp chế và kiểm toán nội bộ

❖ Giám đốc và Ban điều hành các Công ty con.

– Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1) Bà Phạm Thị Hồng - Tổng Giám đốc Công ty:

Sinh năm: 1968

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 12,19 %

2) Ông Nguyễn Văn Quang - Phó Tổng Giám đốc Công ty:

Sinh năm: 1961

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 10,14 %

3) Ông Dương Quang Bình - Phó Tổng Giám đốc Công ty:

Sinh năm: 1964

Trình độ văn hóa : 12/12



Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân luật

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0,03 %

4) Bà Đào Thị Kim Loan – Kế toán trưởng Công ty:

Sinh năm: 1977

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0.01 %

– Thay đổi Ban tổng giám đốc điều hành trong năm:

(Không)

– Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

- Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc: 1.598.847.394 đồng/năm 2013, chiếm 5,75% tổng quỹ tiền lương của toàn công ty

– Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên đến thời điểm 31/12/2013: 458 người.
- Chính sách đối với người lao động: Công ty đã thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước hiện hành như: đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn,

3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

a) **Các khoản đầu tư lớn:**

- Dự án khu dân cư thương mại An Phước 8,36 ha tại xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (giá trị đã đầu tư 60.299 triệu đồng) hiện nay đã thực hiện được các công việc sau:
 - Hiện nay hệ thống chi nhánh thương mại đã đi vào hoạt động tiếp tục đóng góp và doanh thu chung của công ty, ghi nhận trong năm 2013 Doanh thu của Chi nhánh Long Thành đạt 52 tỷ đồng, đây là một khu vực có tiềm năng kinh doanh lớn khi mở rộng được diện tích mái che của cửa hàng.
 - Về việc điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/500 cho phù hợp với định hướng đô thị mới, thì kết quả là ngày 10 /01/ 2014 UBND tỉnh Đồng Nai đã cấp phép quy hoạch số 04/GPQH và ban hàng quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 về việc duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thương mại tại xã An Phước, huyện

- Long Thành, tỉnh Đồng Nai, cho công ty cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên là chủ đầu tư.
- Do quỹ đất trong quy hoạch là quỹ đất sạch đang thuộc quyền sử dụng đất của Công ty Cp tập đoàn thép Tiến Lên, nên việc triển khai dự án là rất thuận lợi.
- Dự án Trụ sở điều hành của Tập đoàn Thép Tiến Lên tại G4A Khu phố 4, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô của dự án là 10 tầng và 01 tầng hầm, với diện tích sàn xây dựng 5.945 m², với tổng vốn đầu tư hoàn thành là 37.179 triệu đồng.
 - Ngày 28 tháng 12 năm 2013, Công ty đã chính thức cắt băng khánh thành công trình trên, hiện nay ngoài tầng trệt để làm sảnh đón, thì lầu 8 và lầu 9 của công trình là nơi đặt trụ sở điều hành của Tập đoàn, các khu vực khác thì đang đàm phán với một số đối tác hợp tác khai thác.
- Dự án tham gia góp vốn đầu tư xây dựng nhà Máy thép Bắc Nam.
- Với quy mô 300.000 tấn/năm.
 - Sản phẩm chủ đạo của Nhà máy là các sản phẩm thép hình U, I, V, H ...;
 - Tổng vốn đầu tư của toàn Nhà máy đến cuối năm 2013 là 369.000 triệu đồng (trong đó vốn góp của Công ty CP Tập đoàn thép Tiến Lên là 172,800 triệu đồng chiếm 48%).
 - Trong năm 2013, Nhà máy đã hoàn tất công tác lắp đặt máy móc và sản xuất thử thành công.
 - Ngày 28/12/2013, Nhà máy đã tổ chức cắt băng khánh thành để chính thức đi vào hoạt động trong năm 2014 khi thị trường thép tăng trưởng tốt.
- Đầu tư tài chính ngắn hạn :
1. Mua 137.000 cổ phiếu BVS - Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (Trị giá 2.164 triệu đồng) với giá bình quân 15.795 đồng/cổ phiếu.
 2. Mua 57.000 cổ phiếu CTG – Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (trị giá 1.044 triệu đồng) với giá bình quân 18.323 đồng/cổ phiếu.
 3. Mua 2.660 cổ phiếu GMC – Công ty CP Sản xuất thương mại may Sài Gòn (trị giá 79 triệu đồng) với giá bình quân 29.929 đồng/cổ phiếu.
 4. Mua 20.000 cổ phiếu HASECO - Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng (trị giá 106 triệu đồng) với giá bình quân 5.307 đồng/cổ phiếu.
 5. Mua 90.000 cổ phiếu KLS - Công ty CP Chứng khoán Kim Long (trị giá 1.140 triệu đồng) với giá bình quân 12.671 đồng/cổ phiếu

6. Mua 150.000 cổ phiếu SCR - Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (trị giá 1.126 triệu đồng) với giá bình quân 7.507 đồng/cổ phiếu.
7. Mua 35.000 cổ phiếu SSI - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (trị giá 567 triệu đồng) với giá bình quân 16.210 đồng/cổ phiếu
8. Mua 93.500 cổ phiếu TKC - Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Tân Kỳ (trị giá 2.302 triệu đồng) với giá bình quân 24.753 đồng/cổ phiếu
9. Mua 35.034 cổ phiếu VCG - Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (trị giá 323 triệu đồng) với giá bình quân 9.248 đồng/cổ phiếu
10. Mua 150.000 cổ phiếu VIG - Công ty CP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp (trị giá 560 triệu đồng) với giá bình quân 3.738 đồng/cổ phiếu
11. Mua 10.000 cổ phiếu VGS - Công ty CP Ống thép Việt Đức (trị giá 173 triệu đồng) với giá bình quân 17.300 đồng/cổ phiếu

b) Các công ty con, công ty liên kết:

– **Công ty TNHH Thép Tây Nguyên.**

○ Tình hình hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Thép Tây Nguyên sở hữu dây chuyền cán thép hình U,I,V cỡ nhỏ và trung với công suất 60.000 tấn/năm. Nhà máy nằm đặt tại Lô 12 – 14 đường số 01 Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh.

Trong năm 2013, trong hoạt động sản xuất chiếm tỷ trọng thấp do công ty thực hiện thanh lý một số dây chuyền sản xuất và giá nguyên liệu đầu vào cao. Doanh nghiệp cũng chủ động tham gia hoạt động thương mại các sản phẩm cùng chủng loại, nhờ vậy Doanh thu 2013 của Cty Thép Tây Nguyên ổn định, khai thác được thế mạnh về tài sản cố định như hệ thống kho bãi, nhà xưởng của Công ty.

○ Tình hình tài chính.

Dvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	% (trên doanh thu)
Tổng tài sản	365.683	36,36 %
Doanh thu thuần	1.005.593	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	309	0,03 %
Lợi nhuận khác	2.722	0,27 %
Lợi nhuận trước thuế	3.031	0,30%

Lợi nhuận sau thuế	1.518	0,15%
% Lợi nhuận trên vốn chủ (ROE)	0,84%	

– **Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Phúc.**

○ Tình hình hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Phúc sở hữu dây chuyền gia công cắt cán kéo kim loại hiện đại tại khu vực phía Nam và một hệ thống nhà xưởng kho bãi lớn trên 20.000 m² tại khu Công nghiệp Tân Tạo, Tp Hồ Chí Minh.

Hoạt động năm 2013

○ Tình hình tài chính.

Dvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	% (trên doanh thu)
Tổng tài sản	397.219	26,26%
Doanh thu thuần	1.512.611	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.062	0,33%
Lợi nhuận khác	1.816	0,12%
Lợi nhuận trước thuế	6.878	0,45%
Lợi nhuận sau thuế	3.878	0,26%
% Lợi nhuận trên vốn chủ (ROE)	2,68%	

– **Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến.**

○ Tình hình hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến sở hữu dây chuyền gia công cắt cán kéo kim loại, sản xuất tấm lợp hiện đại tại khu vực phía Bắc và một hệ thống nhà xưởng kho bãi lớn.

Hoạt động năm 2013.

○ Tình hình tài chính.

Dvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	% (trên doanh thu)
Tổng tài sản	376.136	54,96%

Doanh thu thuần	684.419	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(708)	-0,10%
Lợi nhuận khác	1.466	0,21%
Lợi nhuận trước thuế	758	0,11%
Lợi nhuận sau thuế	758	0,11%
% Lợi nhuận trên vốn chủ (ROE)	0,25%	

– **Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên.**

○ Lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

Buôn bán vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và ngành nước, nguyên vật liệu nhựa và sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ xây dựng, sản xuất và tiêu dùng; Sản xuất tấm lợp kim loại, sản xuất cấu kiện thép hình, khung nhà tiền chế; Xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp, nông nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hoá, cho thuê bến bãi; Môi giới thương mại; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng, chợ và siêu thị; Kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê; Gia công cơ khí, chế tạo máy công nghiệp, sản xuất ống thép, kinh doanh kim loại; Cho thuê kho, bãi, nhà xưởng

Hoạt động năm 2013.

○ Tình hình tài chính.

Dvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	% (trên doanh thu)
Tổng tài sản	261.813	39,94%
Doanh thu thuần	655.493	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	715	0,11%
Lợi nhuận khác	1.342	0,20%
Lợi nhuận trước thuế	2.058	0,31%
Lợi nhuận sau thuế	1.325	0,20%
% Lợi nhuận trên vốn chủ (ROE)	1,52%	

– **Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng.**

o Lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

Xây dựng nhà các loại Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
 Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng Lắp đặt hệ thống điện Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Hoàn thiện công trình xây dựng Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35 KV Bán buôn sắt, thép Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Bán buôn hàng kim khí Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Môi giới hợp đồng hàng hóa Đại lý: Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, tài chính và bảo hiểm) Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại Sản xuất các cấu kiện kim loại Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất tấm lợp kim loại Sản xuất sản phẩm từ plastic Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Vận tải hàng hoá bằng đường bộ Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Bốc xếp hàng hóa Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa./.

Hoạt động năm 2013.

o Tình hình tài chính.

Dvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	% (trên doanh thu)
Tổng tài sản	83.023	31,43%
Doanh thu thuần	264.188	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(8.091.655)	-3.062%
Lợi nhuận khác	(237)	0,09%
Lợi nhuận trước thuế	(8.329)	-3,15%
Lợi nhuận sau thuế	(8.329)	-3,15%
% Lợi nhuận trên vốn chủ (ROE)	-33,85%	

- Công ty CP Thép Bắc Nam.

o Tình hình hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam toạ lạc trên diện tích 31.000 m² trong khu công nghiệp Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai với dây chuyền cán thép hình U,I,V cỡ lớn với công suất 300.000 tấn/năm. Nhà máy đã hoàn thiện giai đoạn đầu tư và đang trong quá sản xuất thử.

o Tình hình tài chính.

Đvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	% (trên doanh thu)
Tổng tài sản	672.517	218,26%
Doanh thu thuần	308.125	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.754	2,84%
Lợi nhuận khác	(1.015)	-0,33%
Lợi nhuận trước thuế	7.738	2,51%
Lợi nhuận sau thuế	4.986	1,61%

4. **Tình hình tài chính Công ty CP TĐ Thép Tiên Lên 2013.**

a) Tình hình tài chính.

Đvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	% (tăng giảm)
Tổng tài sản	1.599.380	1.981.169	24%
Doanh thu thuần	2.820.825	3.052.582	8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	50.064	46.833	-6%
Lợi nhuận khác	(603)	83.146	13.889%
Lợi nhuận trước thuế	52.097	132.372	154%
Lợi nhuận sau thuế	42.225	114.329	171%
% Lợi nhuận trên vốn chủ (ROE)	7,15%	11,89%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	Ghi chú
Khả năng thanh toán			

Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,46	1,40	
Hệ số thanh toán nhanh	0,74	0,49	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,51	0,50	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,05	1,04	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	4,88	3,59	
Doanh thu thuần/tổng tài sản	2,39	1,54	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận trên doanh thu	1,48%	3,74%	
Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ	5,39%	11,85%	
Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản	2,61%	5,76%	
Hệ số lợi nhuận HĐKD/Doanh thu	1,77%	1,54%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng : 80.685.688
 - o Số lượng cổ phiếu phổ thông : 80.685.688
 - o Số lượng cổ phiếu ưu đãi : 0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại : 5.750.930
 - o Số lượng cổ phiếu phổ thông : 5.750.930
 - o Số lượng cổ phiếu ưu đãi : 0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 74.934.758
 - o Số lượng cổ phiếu phổ thông : 74.934.758
 - o Số lượng cổ phiếu ưu đãi : 0
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn : 49,81 % Cổ đông nhỏ : 51,19 %

– Cổ đông Tổ chức 95,26 %	4,74 %	Cổ đông cá nhân
– Cổ đông trong nước 0,62 %	99,38%	Cổ đông nước ngoài
– Cổ đông nhà nước 100 %	0 %	Cổ đông khác

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Trong năm có 01 đợt tăng vốn cổ phần số vốn tăng trong năm là 183.041.000.000 đồng.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu PHT (sát nhập công ty CP Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến).
- Số lượng cổ phiếu phát hành 18.304.155 cổ phiếu, ngày chốt sổ đăng ký phát hành là ngày 28 tháng 01 năm 2013.
- Vốn đầu tư chủ sở hữu:
 - Vốn góp đầu năm : 623.815.330.000 đồng
 - Vốn góp tăng trong năm : 183.041.000.000 đồng
 - Vốn góp cuối năm : 806.856.880.000 đồng

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ đầu năm : 5.750.930 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ cuối năm : 5.750.930 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ tăng trong năm : 0 cổ phiếu
- Thời gian thực hiện: từ ngày / /2013 đến hết ngày / /2013.
- Giá và phương thức giao dịch:

e) Các chứng khoán khác:

(không)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xem xét các chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán, so sánh với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013 do Ban Giám đốc đề ra và đã thông qua Đại hội thường niên 2013, được mô tả chi tiết theo bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Thực hiện Năm 2013	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1	Tổng doanh thu	2.839.436.811.519	3.175.380.900.879	111,83%
	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	2.820.825.810.247	3.052.582.577.108	
	Doanh thu hoạt động tài chính	11.678.497.683	18.963.949.644	
	Doanh thu khác (Thu nhập khác)	6.932.503.589	103.834.374.127	
2	Tổng chi phí	2.789.977.197.041	3.045.401.256.302	109,16%
	Giá vốn hàng bán và dịch vụ	2.695.026.065.270	2.992.052.772.233	
	Chi phí tài chính	40.225.957.779	(40.978.532.643)	
	Chi phí bán hàng	24.174.029.853	29.450.296.889	
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.015.065.497	44.188.693.587	
	Chi phí khác	7.536.078.642	20.688.026.236	
3	Lãi lỗ trong công ty liên kết	2.637.059.711	2.393.340.180	
4	Lợi nhuận trước thuế	52.097.674.190	132.372.984.757	254,09%
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại	9.872.165.414	20.173.353.376	
6	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	503.224.028	(2.130.352.474)	254,09%
7	Lợi nhuận sau thuế	41.722.284.348	114.329.983.855	274,03%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	715	1.620	226,57%

– Nguyên nhân chính của biến động trên là do nền kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn, dẫn đến sức cầu suy giảm, hiệu quả của các hoạt động đầu tư không cao, gây lên tình trạng đình đốn sản xuất. Khó khăn trên tác động xấu đến hầu hết các doanh nghiệp.

– Trước những khó khăn chung, Trong năm 2013 Ban giám đốc Cty đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm tái cơ cấu bộ máy, giảm chi phí quản lý, khai thác tốt các tài sản và giữ vững thị phần cung cấp của Doanh nghiệp.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được, đảm bảo kinh doanh có lãi, đời sống cán bộ công nhân viên ổn định, giữ được uy tín với khách hàng, đảm bảo an toàn vốn cho các cổ đông và các nhà đầu tư.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
TỔNG TÀI SẢN	1.599.380	1.981.169	23,9%
Tài sản ngắn hạn	1.178.203	1.409.791	19,7%
Tài sản dài hạn	421.176	571.377	35,7%
Vốn chủ sở hữu	773.431	806.826	4,3%
HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN			
Doanh thu thuần/tổng tài sản	2,39	1,54	- 36%
Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ	5,39%	11,89%	121%
Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản	2,61%	5,77%	121%

- Cơ cấu vốn hợp lý thể hiện ở việc Cty không sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn.
- Vốn chủ sở hữu tăng song song với việc tổng tài sản tăng cho thấy thu nhập trong kỳ tăng làm gia tăng quy mô của Công ty.
- Lợi nhuận trên vốn chủ năm 2013 tăng 121% so với năm 2012 đây là chỉ tiêu rất quan trọng, nó cho thấy hiệu quả của những nỗ lực của Ban giám đốc Công ty trong năm 2013.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
Nợ phải trả	810.603	1.001.198	24%
Vốn chủ sở hữu	773.431	962.216	24%
Khả năng thanh toán			

Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,46	1,40	-0,06
Hệ số thanh toán nhanh	0,74	0,49	-0,25

– Là một Doanh nghiệp có tỷ trọng hoạt động thương mại lớn trên 80% Doanh thu, với vòng quay kho sập sỉ 3,6 lần trên năm tương ứng với thời gian tồn kho bình quân của mỗi lô hàng là 100 ngày. Trong khi Tiến Lên có thể huy động nguồn vốn ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng theo kế hoạch tài trợ 180 ngày. Điều này giúp cho Tiến Lên có khả năng thanh toán bất kỳ khoản nợ đến hạn nào.

– Ngoài ra trong năm không phát sinh bất cứ khoản nợ quá hạn nào được ghi nhận, trong khi tỷ giá ổn định trong suốt năm 2013 và lãi suất biến động theo chiều hướng giảm.

– Kết thúc năm 2013 có thể đánh giá, trong năm Cty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên đã có nhiều nỗ lực trong việc tạo doanh thu.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*

– Áp dụng công nghệ trong quản lý: Trong năm Công ty đã ký hợp đồng triển khai hệ thống quản lý ERP để nâng cao năng lực quản lý.

– Cơ cấu lại kho tàng nhà xưởng và nâng cao năng lực của Ban kiểm soát nội bộ trong công ty.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai.*

– Công ty luôn cố gắng giữ vững mức tăng trưởng của doanh thu thuần, tăng sản lượng cung cấp cho thị trường để có thể tăng thị phần cung cấp theo từng năm.

– Định hướng cơ bản của Công ty vẫn tập trung chủ yếu vào lĩnh vực kinh doanh truyền thống của công ty là: xuất nhập khẩu, sản xuất, cung ứng các mặt hàng thép cuộn, thép tấm, thép hình, tôn mạ màu và phụ kiện, kết cấu thép, các sản phẩm thép qua gia công cho thị trường.

– Tập trung khai thác các tài sản hiện có là thế mạnh, Quản lý tốt các chi phí sản xuất tại các nhà máy để đưa những sản phẩm có chất lượng ra thị trường.

– Kế hoạch năm 2014 phấn đấu doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng 30% so với kết quả đã đạt được năm 2013.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)*

– Ý kiến của Kiểm toán là ý kiến chấp thuận toàn phần.

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*



– Năm 2013, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn, thách thức do tác động của cơn khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu của năm 2012. Bên cạnh chính sách thắt chặt tín dụng kèm chế lạm phát ổn định kinh tế vĩ mô của Nhà nước cũng đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống của nhân dân.

– Hoạt động của Tập đoàn Thép Tiên Lên trong năm qua cũng gặp một số khó khăn nhất định như nhu cầu thị trường giảm sút, giá tồn kho tăng cao, một số doanh nghiệp trong ngành sắt thép do áp lực đáo hạn đã bán phá giá, các công trình xây dựng cơ bản thi công trong kế hoạch bị cắt giảm.

– Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 29/06/2013, HĐQT đã triển khai chương trình, nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2013 với sự cố gắng của Ban điều hành và tập thể cán bộ, nhân viên, Công ty đã triển khai tổ chức kinh doanh có hiệu quả, thể hiện ở các chỉ tiêu như đã trình bày ở trên.

2. ***Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty***

– Một thành viên HĐQT cũng là thành viên Ban Tổng giám đốc (Ông Nguyễn Văn Quang kiêm Phó tổng giám đốc) nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban tổng giám đốc cho HĐQT được thuận lợi.

– Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của công ty bằng những phương tiện viễn thông như (Điện thoại, Fax, Email, Chat, ...) ngoài những cuộc họp định kỳ cũng như bất thường. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban tổng giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Ban tổng giám đốc gửi các thành viên hội đồng quản trị hàng tháng.

– Trong năm 2013 HĐQT cũng đã thực hiện giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong các lĩnh vực tài chính, kế toán; kinh doanh; sản xuất và đầu tư. Kết quả giám sát đã được gửi cho các thành viên HĐQT trong báo cáo tháng.

3. ***Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.***

– Về xu hướng, (05) năm sau khi khủng hoảng tài chính toàn cầu bùng nổ, giai đoạn tồi tệ nhất dường như đã qua nhưng kinh tế thế giới vẫn còn mong manh. Các quốc gia có thu nhập cao tiếp tục đối mặt với tác động từ tốc độ tăng trưởng chậm và bất ổn. Như vậy kinh tế Thế giới sẽ vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Những khó khăn chung của kinh tế Thế giới sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam và đến hoạt động của các doanh nghiệp.

– Hội đồng Quản trị nhận định, mặc dù còn nhiều khó khăn do Tổng cầu vẫn suy giảm, thị trường bất động sản đã thấy tín hiệu phục hồi..., lãi suất giảm sẽ thúc đẩy tình hình kinh doanh năm 2014 nền kinh tế Việt Nam sẽ có mức tăng trưởng tốt hơn năm 2013.

- Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị định hướng thông qua kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng trưởng từ 20% đến 30% so với năm 2013.
- Hội đồng Quản trị cũng xác định nhiệm vụ lớn nhất trong năm 2014 như sau:
 - ❖ Đảm bảo chất lượng hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng, giữ vững thị phần về cung ứng sản phẩm thép công nghiệp trên toàn thị trường cả nước.
 - ❖ Chính thức tập trung vào vận hành Nhà máy Cán thép hình Bắc Nam công suất 300.000 tấn/năm để đưa sản phẩm ra thị trường, giảm dần tỷ trọng hàng nhập khẩu.
 - ❖ Thường xuyên duy trì các chương trình họp, duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên của Hội đồng quản trị; đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng điều lệ, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và các quy định của pháp luật hiện hành và đặc biệt là tăng cường quản trị Công ty để đảm bảo Công ty hoạt động minh bạch, hiệu quả.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

– Hội đồng quản trị: có 04 thành viên, gồm 01 Chủ tịch và 03 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- Ông Nguyễn Mạnh Hà : Chủ tịch HĐQT
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 19,93 %
- Ông Nguyễn Văn Quang : Ủy viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 10,14 %
- Ông Đào Đức Toàn : Ủy viên HĐQT
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0,01 %
- Ông Phạm Công Thìn : Ủy viên HĐQT
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0,00 %

– Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: không.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

(Chưa thành lập).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐQT	03/01/2013	Thông qua việc tạm ứng cô tức năm 2012 cho các cổ đông với chi tiết như sau: (1) Tỷ lệ cổ



			tức chi trả 5%/mệnh giá (500 đồng/cổ phiếu); Hình thức chi trả bằng tiền; Nguồn chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty; thời gian thực hiện chi trả từ ngày 05/02/2013; Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2012/NQ-HĐQT ngày 20/12/2012.
2	Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐQT	08/03/2013	Điều chỉnh giấy đăng ký doanh nghiệp do tăng vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty như sau: + Vốn điều lệ trước khi thay đổi : 577.071.270.000 đồng + Vốn điều lệ sau khi thay đổi : 623.815.330.000 đồng + Số cổ phần trước khi thay đổi : 57.707.127 Cổ phần phổ thông + Số cổ phần sau khi thay đổi : 62.381.533 Cổ phần phổ thông + Mệnh giá : 10.000 đồng/Cổ phần Hình thức tăng vốn: phát hành 4,674,719 cổ phiếu (tương đương giá trị tính theo mệnh giá là 46,747,190,000 đồng) để chi trả 5% cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
3	Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐQT	18/03/2013	Điều chỉnh giấy đăng ký doanh nghiệp do tăng vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty như sau: Vốn đầu tư/vốn điều lệ đã đăng ký: -Vốn đăng ký: 623.815.330.000 đồng. Vốn đầu tư/vốn điều lệ dự kiến thay đổi: -Vốn đăng ký: 806.856.880.000 đồng. Hình thức tăng vốn: phát hành 18.304.155 cổ phiếu (tương đương giá trị tính theo mệnh giá là 183.041.550.000 đồng) để hoán đổi 15.040.283 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến, sáp nhập Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên.
4	Quyết định số 01/2013/QĐ-CTHĐQT	26/03/2013	Thông qua việc chuyển đổi Công ty CP Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến thành Công ty TNHH Một Thành Viên với chủ sở hữu là Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên cụ thể như sau: - Tên công ty bằng tiếng Việt trước khi chuyển đổi là Công ty CP Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến; tên bằng tiếng nước ngoài trước khi chuyển đổi Phuc Tien Trade – Manufacture Joint Stock Company; Tên viết tắt PHT JSC.

		<ul style="list-style-type: none"> - Tên công ty bằng tiếng Việt sau khi chuyển đổi là Công ty TNHH Một Thành Viên Thép Phúc Tiến; Tên viết tắt tiếng Anh là Phuc Tien Steel Co., Ltd; Tên viết tắt PHT Steel. - Chủ sở hữu công ty là Công ty CP tập đoàn Thép Tiến Lên; quốc tịch của Pháp nhân là nước Việt Nam; giấy CNĐKKD số 3600512830 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 18/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/03/2013. - Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến sau khi đã chuyển đổi là 214.400.300.000 VNĐ; - Phương án chuyển đổi công ty; Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty CP sản xuất và Thương mại Phúc Tiến (Phúc Tiến) thống nhất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của mình cho công ty CP tập đoàn Thép Tiến Lên (Tiến Lên) để Tiến Lên sẽ sở hữu 100% vốn điều lệ của Phúc Tiến; Hình thức hoạt động của Phúc Tiến sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần, Tiến Lên sẽ sở hữu 100% vốn điều lệ của Phúc Tiến và Phúc Tiến chuyển đổi hình thức công ty từ công ty cổ phần sang công ty TNHH một thành viên do Tiến Lên làm chủ sở hữu. - Việc chuyển quyền và nghĩa vụ của công ty được chuyển đổi sang công ty chuyển đổi; công ty CP Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến sẽ chấm dứt tồn tại kể từ khi Công ty TNHH MTV chuyển đổi được cấp đăng ký kinh doanh; Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến sẽ được hưởng mọi quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác từ Công ty Cp Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến. - Phương án sử dụng lao động sau khi chuyển đổi công ty; Tất cả người lao động đang làm việc cho Công ty Cp Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến sẽ tiếp tục làm việc cho Công ty chuyển đổi với các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng lao động mà người lao động đã ký kết với Công ty CP Sản xuất và Thương mại Phúc
--	--	---

			<p>Tiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn thực hiện việc chuyển đổi công ty, việc chuyển đổi công ty được tiến hành từ khi Quyết định này có hiệu lực và hoàn thành khi công ty chuyển đổi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. - Công ty CP tập đoàn Thép Tiến Lên quyết định bổ nhiệm, ông Nguyễn Mạnh Hà chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty CP tập đoàn Thép Tiến Lên đảm nhận chức vụ Chủ tịch công ty- Người đại diện theo pháp luật/ Cty TNHH MTV Thép Phúc Tiến và là người đại diện quản lý phân vốn của Cty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên tại công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến kể từ ngày 26/03/2013 cụ thể: - Người đại diện theo pháp luật; Tên Nguyễn Mạnh Hà; chức danh Chủ tịch Công ty; sinh ngày 27 tháng 12 năm 1962; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; <p>Chứng minh nhân dân số 270883258 cấp ngày 10/05/2006, nơi cấp Công an tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại G1A đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; điện thoại số 0613823187 Fax: 0613 829043.</p>
5	Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐQT	01/04/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Về việc tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2013; Thời gian dự kiến thực hiện công ty sẽ thông báo chi tiết trên thư mời và trên website; Địa điểm thực hiện công ty sẽ thông báo chi tiết trên thư mời và trên website; Tỷ lệ thực hiện: đối với cổ phiếu phổ thông 01 cổ phiếu – 01 quyền biểu quyết; Ngày đăng ký cuối cùng 24/04/2013. - Nội dung chủ yếu của đại hội; Báo cáo tình hình SXKD năm 2012 và kế hoạch kinh doanh 2013; Phê chuẩn báo cáo tình hình tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2012; Thông qua báo cáo kiểm soát năm 2012; Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính năm 2013; Thông qua một số nội dung hoạt động khác tại đại hội.
4	Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-TLH	30/05/2013	<p>Thay đổi thông tin chủ sở hữu, ngành nghề kinh doanh, thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phúc Tiến Hưng Yên như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thay đổi thông tin chủ sở hữu của công

			<p>ty TNHH Sản xuất thương mại Phúc Tiến Hưng Yên như sau:</p> <p>Thông tin chủ sở hữu trước thay đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên chủ sở hữu: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103000045 <p>Thông tin chủ sở hữu sau thay đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP PHÚC TIẾN - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101008460 <p>Lý do thay đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi từ công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phúc Tiến có mã số doanh nghiệp 0101008460 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 03/05/2000, cấp chuyển đổi ngày 20/05/2013. - Cấp lại mã số doanh nghiệp 650 từ đăng ký kinh doanh số: 0103000045 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03/05/2000. <p>2. Thay đổi bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty TNHH sản xuất và thương mại Phúc Tiến Hưng Yên .</p> <p>3. Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phúc Tiến Hưng Yên/</p>
7	Nghị quyết số 05/2013/NQ-HĐQT	20/05/2013	<p>- Thông qua việc chuyển văn phòng trụ sở chính của Công ty cổ phần tập đoàn thép Tiến Lên về địa chỉ mới G4A khu phố 4, Phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai</p> <p>- Thông qua việc sửa đổi khoản 3, điều 2, chương II Điều lệ Công ty cổ phần tập đoàn thép Tiến Lên về trụ sở đăng ký của công ty bằng Điều lệ mới lập ngày 20/05/2013 thay thế bản điều lệ lập ngày 18/03/2013.</p>
8	Nghị quyết số	12/11/2013	Thông qua các nội dung chính sau:

	06/2013/NQ-HĐQT		<p>- Tổ chức khai trương tòa nhà điều hành Tien Len Group; Thời gian dự kiến ngày 28 tháng 12 năm 2013; Địa điểm tổ chức dự kiến tại Tòa nhà điều hành Tien Len Group tại số G4A, Kp 4, phường Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>- Tổ chức khánh thành Nhà máy sản xuất thép hình; Thời gian dự kiến ngày 28 tháng 12 năm 2013; Địa điểm tổ chức dự kiến tại Nhà máy sản xuất thép hình tại khu công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.</p>
--	-----------------	--	---

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

(Không có).

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

(Không có).

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

(Không có).

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

– Ban kiểm soát có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Đại hội cổ đông bầu ra.

○ Bà Trương Thị Thu Hiền: Trưởng Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0,06 %

○ Bà Lê Thị Hồng Liễu : Thành viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0,03 %

○ Bà Cao Thị Hoài Thu : Thành viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0,03 %

– Thay đổi thành viên Ban kiểm soát: không.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2013 ban kiểm soát đã chú trọng kiểm tra, giám sát các lĩnh vực hoạt động của công ty như sau:
 - Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2013 được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/06/2013.
 - Xem xét tính phù hợp của các Quyết nghị được Hội đồng quản trị thông qua trong công tác quản lý, điều hành trong năm 2013.
 - Tham gia buổi họp của Hội đồng quản trị; kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành triển khai, thực hiện.
 - Xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ do Ban điều hành lập.
 - Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hằng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu. Đồng thời phối hợp, trao đổi với kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013.
 - Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập và thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
 - Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
 - Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao và chi phí HĐQT năm 2013 là: 780.000.000 đồng, trong đó: thù lao HĐQT: 780.000.000 đồng; chi phí: không.

Trong đó số thù lao của từng thành viên:

- o Ông Nguyễn Mạnh Hà - Chủ tịch : 585.000.000 đồng
- o Ông Nguyễn Văn Quang - Ủy viên : 65.000.000 đồng
- o Ông Đào Đức Toàn - Ủy viên : 65.000.000 đồng
- o Ông Phạm Công Thìn - Ủy viên : 65.000.000 đồng

- Thù lao và chi phí BKS: 143.000.0000 đồng, trong đó: thù lao 143.000.0000 đồng; chi phí: Không



Trong đó số thù lao của từng thành viên:

- Bà Trương Thị Thu Hiền đồng - Trưởng BKS: 65.000.000
- Bà Lê Thị Hồng Liễu đồng - Thành viên: 39.000.000
- Bà Cao Thị Hoài Thu đồng - Thành viên: 39.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Thông tin về giao dịch cổ phiếu nội bộ, nội dung như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT/Cổ đông lớn	10.188.660	16,33%	14.932.324	18,50%	Tăng do chuyển đổi cổ phiếu từ Phúc Tiến sang Tiến Lên.
2	Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ/Cổ đông lớn	7.157.865	11,47%	7.599.325	9,42%	Tăng do chuyển đổi cổ phiếu từ Phúc Tiến sang Tiến Lên.
3	Phạm Công Thìn	Thành viên HĐQT	0	0	0	0	
4	Đào Đức Toàn	Thành viên HĐQT	5.722	0,01%	74.793	0,09%	Tăng do chuyển đổi cổ phiếu từ Phúc Tiến sang Tiến Lên.
5	Phạm Thị Hồng	Tổng giám đốc/ Cổ đông lớn/ Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT	9.038.683	14,49%	9.133.183	11,32%	Tăng do chuyển đổi cổ phiếu từ Phúc Tiến sang Tiến Lên.
6	Dương Quang Bình	Phó tổng giám đốc	22.890	0,04%	22.890	0,03%	
7	Đào Thị Kim	Kế toán trưởng/Người	17.167	0,03%	23.780	0,03%	Tăng do chuyển đổi

	Loan	được ủy quyền công bố thông tin					cổ phiếu từ Phúc Tiến sang Tiến Lên.
8	Trương Thị Thu Hiền	Trưởng ban kiểm soát	5.722	0,01%	41.284	0,06%	Tăng do chuyển đổi cổ phiếu từ Phúc Tiến sang Tiến Lên số lượng trước khi giao dịch là 51.284 cổ phiếu; Giảm xuống còn 41.284 cổ phiếu do trong năm thực hiện bán 10.000 cp theo hình thức khớp lệnh.
9	Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên BKS	17.167	0.03%	17.167	0.03%	
10	Cao Thị Hoài Thu	Thành viên BKS	17.167	0.03%	17.167	0.03%	
11	Nguyễn Hồ Quảng	Là người có liên quan đến ông Nguyễn Mạnh Hà Chủ tịch HĐQT/Cổ đông lớn	18.530	0.03%	8.530	0.01%	Giảm do giao dịch cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

(Không có).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

– Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật quản lý thuế, nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

– Về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 29/06/2013 và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị, đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của công ty



- Về các quyết định của Ban tổng giám đốc đều được ban hành đúng thẩm quyền, hợp pháp và kịp thời. Các quyết định có nội dung chưa phù hợp đều được điều chỉnh phù hợp sau khi xin ý kiến của Hội đồng quản trị

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán.

Trích BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT Số 85/2014/BC.KTTC-AASC.KT2 ngày 28/02/2014 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

“ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đính kèm : phụ lục 01 của bảng báo cáo này.

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ.

Văn phòng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên.

Địa chỉ: G4A, Khu phố 4, phường Tân Hiệp đường Đồng Khởi, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Webside : www//tienlengroup.com.vn

Biên Hòa, ngày 17 tháng 03 năm 2014

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN MẠNH HÀ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN
NĂM 2013**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên
Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên
Ông Phạm Công Thìn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên
Bà Cao Thị Hoài Thu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phạm Thị Hồng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được lập ngày 12 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 03 năm 2013.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.409.791.849.296	1.178.203.734.842
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	209.073.159.237	291.697.155.978
111	1. Tiền		81.740.595.349	42.925.412.148
112	2. Các khoản tương đương tiền		127.332.563.888	248.771.743.830
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.313.104.474	46.747.641.700
121	1. Đầu tư ngắn hạn		9.588.790.713	159.442.651.105
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.275.686.239)	(112.695.009.405)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		283.484.635.420	225.983.507.838
131	1. Phải thu của khách hàng		212.712.146.341	132.550.267.038
132	2. Trả trước cho người bán		37.828.606.883	56.481.390.105
135	5. Các khoản phải thu khác	5	37.321.905.204	36.951.850.695
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.378.023.008)	
140	IV. Hàng tồn kho	6	848.363.511.455	578.431.551.514
141	1. Hàng tồn kho		877.424.360.175	578.431.551.514
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(29.060.848.720)	
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		63.557.438.710	35.343.877.812
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		756.280.860	1.607.520.936
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		20.022.175.950	18.030.120.778
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		111.606.045	609.817.245
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	42.667.375.855	15.096.418.853
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		571.377.728.032	421.176.481.224
220	II. Tài sản cố định		381.737.280.126	211.681.442.288
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	206.532.741.364	76.195.697.705
222	- Nguyên giá		311.314.700.927	152.491.248.417
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.781.959.563)	(76.295.550.712)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	125.258.683.775	77.464.534.190
228	- Nguyên giá		130.125.306.720	78.551.008.057
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.866.622.945)	(1.086.473.867)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	49.945.854.987	58.021.210.393
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	174.908.164.354	175.437.059.711
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		174.908.164.354	175.437.059.711
260	V. Tài sản dài hạn khác		14.732.283.552	34.057.979.225
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	13.517.849.302	34.057.379.225
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.2	1.213.834.250	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		600.000	600.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.981.169.577.328	1.599.380.216.066

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.001.198.866.574	810.603.803.677
310	I. Nợ ngắn hạn		1.001.002.596.268	809.032.199.342
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	601.875.843.572	426.658.903.678
312	2. Phải trả người bán		306.038.690.025	323.885.616.564
313	3. Người mua trả tiền trước		2.457.123.105	2.527.055.742
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	28.907.874.880	31.432.935.394
315	5. Phải trả người lao động		3.616.527.317	2.095.521.845
316	6. Chi phí phải trả		644.017.162	740.680.612
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	51.042.370.261	16.315.572.735
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.420.149.946	5.375.912.772
330	II. Nợ dài hạn		196.270.306	1.571.604.335
333	3. Phải trả dài hạn khác		196.270.306	173.551.287
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	1.208.134.240
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	189.918.808
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		962.216.873.778	773.431.236.352
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	962.216.873.778	773.431.236.352
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		806.856.880.000	623.815.330.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.786.620.483	94.448.344.537
414	4. Cổ phiếu quỹ		(40.513.254.861)	(40.513.254.861)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5.991.726.141	5.991.726.141
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		45.555.206.481	45.555.206.481
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		132.539.695.534	44.133.884.054
439	C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ		17.753.836.976	15.345.176.037
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.981.169.577.328	1.599.380.216.066

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		644.450,97	188.266,12
- Đồng Euro (EUR)		100,00	-

kd

hmm



Đỗ Thị Kim Dung
Người lập

Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng
Tổng Giám đốc

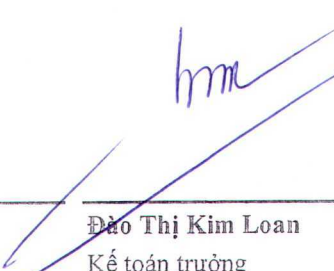
Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	3.053.883.834.252	2.822.138.417.349
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	1.301.257.144	1.312.607.102
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	3.052.582.577.108	2.820.825.810.247
11	4. Giá vốn hàng bán	20	2.992.052.772.233	2.695.026.065.270
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		60.529.804.875	125.799.744.977
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.963.949.644	11.679.497.683
22	7. Chi phí tài chính	22	(40.978.532.643)	40.225.957.779
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		48.698.910.207	40.780.723.154
24	8. Chi phí bán hàng	23	29.450.296.889	24.174.029.853
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	44.188.693.587	23.015.065.497
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.833.296.686	50.064.189.531
31	11. Thu nhập khác	25	103.834.374.127	6.932.503.589
32	12. Chi phí khác	26	20.688.026.236	7.536.078.642
40	13. Lợi nhuận khác		83.146.347.891	(603.575.053)
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		2.393.340.180	2.637.059.711
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		132.372.984.757	52.097.674.190
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	21.387.187.626	9.249.961.524
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.2	(1.213.834.250)	622.204.290
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		112.199.631.381	42.225.508.376
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(2.130.352.474)	503.224.028
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>114.329.983.855</u>	<u>41.722.284.348</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.620	715


Đỗ Thị Kim Dung
Người lập


Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		132.372.984.757	52.097.674.190
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		19.936.607.694	12.049.155.564
03	- Các khoản dự phòng		(75.838.854.771)	(72.452.143.341)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		1.279.357.059	(75.837.689)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(95.294.153.881)	26.350.752.320
06	- Chi phí lãi vay		48.698.910.207	40.780.723.154
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.154.851.065	58.750.324.198
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		575.103.827	(82.422.555.979)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(46.055.887.608)	231.381.921.274
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(160.221.599.641)	32.855.270.715
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.706.695.700	1.938.733.551
13	- Tiền lãi vay đã trả		(49.234.676.454)	(44.344.367.597)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.273.292.847)	(8.316.659.980)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.846.099.181	534.015.327.240
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.115.017.745)	(513.115.457.444)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(225.617.724.522)	210.742.535.978
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.952.314.518)	(28.100.630.203)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8.999.738.818	5.138.500.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(8.962.576.795)	(24.731.007.915)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		40.003.140.000	38.295.930.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(15.185.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.668.624.291	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.982.267.007	8.115.017.625
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		79.738.878.803	(16.467.190.493)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(4.070.507.617)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.953.465.551.922	1.219.650.817.937
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.871.453.082.886)	(1.194.766.664.946)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.696.210.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		63.316.259.036	20.813.645.374

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(82.562.586.683)	215.088.990.859
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		291.697.155.978	76.552.184.990
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(61.410.058)	55.980.129
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>209.073.159.237</u>	<u>291.697.155.978</u>

hd

lma



Đỗ Thị Kim Dung
Người lập

Đào Thị Kim Loan
Kê toán trưởng

Phạm Thị Hồng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG**1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 806.856.880.000 đồng; tương đương 80.685.688 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Đại Phúc	TP Hồ Chí Minh	95,83%	95,83%	Sản xuất, kinh doanh thép
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	TP Hồ Chí Minh	97,35%	97,35%	Sản xuất, kinh doanh thép
Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến	TP Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh thép

Các công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Phúc Tiến Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh thép
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	TP Hải Phòng	72,00%	72,00%	Sản xuất, kinh doanh thép

Công ty liên kết của Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Tỉnh Đồng Nai	48,00%	48,00%	Sản xuất, kinh doanh thép

Thông tin bổ sung về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: Sản xuất sắt, thép (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm (tiếp theo):

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới thương mại (trừ môi giới bất động sản);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Cho thuê xe động cơ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: Kinh doanh trung tâm thương mại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng, gỗ cây và gỗ chế biến (không chứa hàng tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật và dân dụng khác;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: gia công cơ khí, (trừ xi mạ - không gia công tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết: sửa chữa máy nông nghiệp (không sửa chữa tại trụ sở);
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp. Chi tiết: sản xuất máy nông nghiệp (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không kinh doanh tại trụ sở);
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: kinh doanh khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Khai thác gỗ (gỗ rừng trồng).

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Hợp đồng sáp nhập được ký kết ngày 05 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên đã nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến ("Phúc Tiến") vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên. Việc sáp nhập được thực hiện theo hình thức hoán đổi cổ phần, thời điểm hoàn thành việc hoán đổi là ngày 29/03/2013. Theo đó, Công ty sẽ phát hành thêm cổ phần của Công ty cho các cổ đông của Phúc Tiến để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phần Phúc Tiến đang lưu hành. Sau khi hoàn thành việc hoán đổi cổ phần, Công ty đã tổ chức lại Phúc Tiến thành Công ty TNHH Một thành viên do Công ty sở hữu 100% vốn. Toàn bộ tài sản, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Phúc Tiến được chuyển giao toàn bộ và nguyên trạng cho Công ty.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

2.6 . Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.7 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

600
ÔN
Ổ P
ĐO
Ế M
407

2.9 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

Từ tháng 6 năm 2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn tối đa là 3 năm.

2.12 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.18 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	327.784.924	534.735.086
Tiền gửi ngân hàng	81.412.810.425	42.390.677.062
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	127.332.563.888	248.771.743.830
	<u>209.073.159.237</u>	<u>291.697.155.978</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	9.588.790.713	154.342.651.105
Đầu tư ngắn hạn khác	-	5.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.275.686.239)	(112.695.009.405)
	<u>5.313.104.474</u>	<u>46.747.641.700</u>

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		9.588.790.713		154.342.651.105
- Công ty CP Chứng khoán Âu Việt	-	-	20.000	86.129.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Chánh	6	120.000	6	120.000
- Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	137.000	2.164.135.500	100.000	1.559.335.500
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	57.000	1.044.459.500	-	-
- Công ty CP Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	2.660	79.613.534	2.660	79.613.534
- Công ty CP Chứng Khoán Thành Hồ Chí Minh	8	196.700	8	196.700
- Công ty CP Hữu Liên Á Châu	-	-	30.000	172.258.000
- Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	20.000	106.159.000	20.000	106.159.000
- Công ty CP Đầu tư Công Nghiệp Tân Tạo	-	-	50.000	365.547.500
- Công ty CP Chứng khoán Kim Long	90.000	1.140.445.000	190.000	2.407.606.000
- Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	-	-	20.000	132.198.000
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến	-	-	4.959.710	139.290.856.166
- Tổng Công ty CP Vận tải dầu khí	-	-	40.000	221.331.500
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	-	30.000	355.532.500
- Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	150.250	1.126.186.750	100.000	888.330.500
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	45	369.874	597.000	5.449.112.050
- Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	-	-	100.000	320.480.000
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	35.000	567.349.750	-	-
- Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Tân Kỳ	93.500	2.302.065.000	75.000	2.067.065.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5	150.265	5	150.265
- Tổng Công ty CP Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam	35.034	323.699.840	30.034	279.789.890
- Công ty CP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp	150.000	560.840.000	150.000	560.840.000
- Công ty CP Ống thép Việt Đức	10.000	173.000.000	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác		-		5.100.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Tiến Đạt		-		2.200.000.000
- Công ty CP Kinh doanh Xuất nhập khẩu Thủy sản		-		2.500.000.000
- Cá nhân khác		-		400.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.275.686.239)		(112.695.009.405)
		5.313.104.474		46.747.641.700

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	14.923.238	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	1.379.044	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	50.400	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	3.034.816.848	4.939.681.342
Phải thu về tiền gốc cho vay	16.442.061.867	7.610.950.975
Phải thu Công ty CP Thép Bắc Nam	16.213.752.983	-
Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi chi âm	216.550.000	-
Phải thu khác	1.398.370.824	24.401.218.378
	<u>37.321.905.204</u>	<u>36.951.850.695</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	8.906.114.688	368.475.900
Nguyên liệu, vật liệu	223.473.333.915	102.900.496.830
Công cụ, dụng cụ	712.016.367	840.280.690
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.667.975.249	14.034.459.166
Thành phẩm	34.561.221.427	23.957.537.561
Hàng hoá	597.103.698.529	436.330.301.367
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(29.060.848.720)	-
	<u>848.363.511.455</u>	<u>578.431.551.514</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.597.078.047	4.220.548.216
Tài sản thiếu chờ xử lý	6.577.138.190	8.040.964.110
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	34.493.159.618	2.834.906.527
	<u>42.667.375.855</u>	<u>15.096.418.853</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN
 G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

8 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2013	42.884.169.171	78.326.494.461	29.382.677.079	1.597.737.203	300.170.503	152.491.248.417						
Mua sắm	352.738.220	3.257.782.091	8.510.096.354	445.256.500	-	12.565.873.165						
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	38.492.732.611	19.058.451.058	-	-	-	57.551.183.669						
Tặng khác (1)	50.709.856.035	53.566.726.083	30.071.851.745	212.851.583	65.000.000	134.626.285.446						
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.098.441.053)	(4.625.475.839)	-	-	(43.723.916.892)						
Giảm khác (2)	(42.994.318)	(553.688.488)	(85.728.181)	(1.477.261.891)	(36.300.000)	(2.195.972.878)						
Tại ngày 31/12/2013	132.396.501.719	114.557.324.152	63.253.421.158	778.583.395	328.870.503	311.314.700.927						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2013	14.656.929.177	43.359.823.626	16.637.412.876	1.395.670.953	245.714.080	76.295.550.712						
Trích khấu hao	4.892.775.656	8.010.593.457	6.258.976.494	140.223.037	56.978.412	19.359.547.056						
Tặng khác (1)	12.309.789.175	21.325.845.228	8.538.752.109	180.437.003	3.250.000	42.358.073.515						
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.326.557.951)	(1.857.706.287)	-	-	(31.184.264.238)						
Giảm khác (2)	(42.994.318)	(544.530.725)	(76.837.941)	(1.346.284.498)	(36.300.000)	(2.046.947.482)						
Tại ngày 31/12/2013	31.816.499.690	42.825.173.635	29.500.597.251	370.046.495	269.642.492	104.781.959.563						
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2013	28.227.239.994	34.966.670.835	12.745.264.203	202.066.250	54.456.423	76.195.697.705						
Tại ngày 31/12/2013	100.580.002.029	71.732.150.517	33.752.823.907	408.536.900	59.228.011	206.532.741.364						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.330.824.011 đồng

(1) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, trong kỳ Công ty thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến thành công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn. Do đó, tài sản cố định của Công ty sở hữu trực tiếp là Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến và các công ty sở hữu gián tiếp là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên và Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng được trình bày là khoản tăng khác trong kỳ.

(2) Giảm khác là do điều chỉnh các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2013	78.424.508.057	126.500.000	78.551.008.057
Mua sắm	6.194.544.627	-	6.194.544.627
Tăng do tài sản Công ty con mới mua trong kỳ	9.168.563.636	20.500.000	9.189.063.636
Tăng khác (1)	36.244.190.400	-	36.244.190.400
Giảm khác (2)	-	(53.500.000)	(53.500.000)
Tại ngày 31/12/2013	130.031.806.720	93.500.000	130.125.306.720
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2013	1.014.987.751	71.486.116	1.086.473.867
Trích khấu hao	547.560.654	29.499.984	577.060.638
Tăng do tài sản Công ty con mới mua trong kỳ	-	20.500.000	20.500.000
Tăng khác (1)	3.236.088.440	-	3.236.088.440
Giảm khác (2)	-	(53.500.000)	(53.500.000)
Tại ngày 31/12/2013	4.798.636.845	67.986.100	4.866.622.945
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	77.409.520.306	55.013.884	77.464.534.190
Tại ngày 31/12/2013	125.233.169.875	25.513.900	125.258.683.775

- (1) Tăng khác là do điều chỉnh quyền sử dụng đất có thời hạn theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trước đây ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.
- (2) Giảm khác là do điều chỉnh các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	30.936.506.503	37.558.617.377
Xây dựng chi nhánh tại Long Thành	11.419.114.200	9.246.654.164
Xây dựng văn phòng Công ty	-	18.925.445.267
Công trình Đèn Lừ	4.766.423.430	-
Nhà trưng bày sản phẩm 5 tầng - Hưng Yên	5.984.025.351	-
Nhà ở công nhân 3 tầng - Hưng Yên	3.976.208.045	-
Xây dựng nhà xưởng 3 - Hải Phòng	185.535.999	-
Giá trị quyền sử dụng đất lô 9D2	3.440.235.598	3.350.517.946
Giá trị quyền sử dụng đất	-	6.036.000.000
Công trình khác	1.164.963.880	-
Mua sắm tài sản cố định	18.998.561.870	20.372.875.364
Mua sắm dây chuyền máy móc thiết bị qua lắp đặt	18.683.061.870	20.372.875.364
Chi phí mua phần mềm máy tính	315.500.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	10.786.614	89.717.652
	49.945.854.987	58.021.210.393

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	174.908.164.354	175.437.059.711
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	174.908.164.354	175.437.059.711
	<u>174.908.164.354</u>	<u>175.437.059.711</u>

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Tỉnh Đồng Nai	48,00%	48,00%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất	1.685.510.144	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	961.642.625	527.187.862
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	11.843.763	-
Trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm	-	33.493.515.226
Giá trị quyền thuê đất góp vốn	10.500.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	358.852.770	36.676.137
	<u>13.517.849.302</u>	<u>34.057.379.225</u>

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	601.875.843.572	426.658.903.678
Vay ngân hàng	597.532.545.682	407.108.903.678
Vay đối tượng khác	-	16.550.000.000
Vay cá nhân	4.343.297.890	3.000.000.000
	<u>601.875.843.572</u>	<u>426.658.903.678</u>

Chi tiết vay ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	215.401.498.518	106.210.609.531
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Biên Hòa	47.023.738.384	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	3.197.603.460
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN Đồng Nai	7.643.000	3.240.000.000
Ngân hàng HSBC - CN Hồ Chí Minh	34.729.010.024	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	-	30.238.261.840
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Đồng Nai	4.160.994.600	1.882.357.020
Ngân hàng VID Public Bank	36.073.567.729	35.977.520.230
Ngân hàng Indochina - CN Tân Bình	26.693.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gò Vấp	17.919.000.000	21.150.769.640
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	99.673.348.775	95.474.103.128
Ngân hàng TM CP Á Châu - CN Phú Lâm	-	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Biên Hoà	-	72.535.719.449
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Phú	2.535.000.000	16.201.959.380
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hưng Yên	31.881.246.353	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	30.643.405.842	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội	804.930.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hưng Yên	49.986.162.457	-
Vay tổ chức khác	-	16.550.000.000
Vay các cá nhân khác	4.343.297.890	3.000.000.000
	<u>601.875.843.572</u>	<u>426.658.903.678</u>
14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	21.578.065.775
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	26.351.036.505	8.152.792.161
Thuế Thu nhập cá nhân	2.556.838.375	1.702.077.458
	<u>28.907.874.880</u>	<u>31.432.935.394</u>
<p>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</p>		
15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	276.953.610	262.570.508
Bảo hiểm xã hội	113.409	53.276.848
Phải trả cổ tức cho cổ đông	9.620.141.500	1.050.000
Mượn tiền các cá nhân không tính lãi	1.634.270.951	12.502.760.505
Phải trả Bà Phạm Thị Hồng	20.638.048.408	-
Phải trả Ông Nguyễn Mạnh Hà	16.840.501.897	-
Phải trả Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	1.563.087.489	-
Phải trả, phải nộp khác	469.252.997	3.495.914.874
	<u>51.042.370.261</u>	<u>16.315.572.735</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẾP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Năm 2012												
Tại ngày 01/01/2012	577.068.140.000	94.483.344.537	(36.442.747.244)	(360.483.058)	5.991.726.141	45.555.206.481	50.097.608.854	736.392.795.711				
Tăng vốn	46.747.190.000	-	-	-	-	-	-	46.747.190.000				
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	41.722.284.348	41.722.284.348				
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(47.686.009.148)	(47.686.009.148)				
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(4.070.507.617)	-	-	-	-	(4.070.507.617)				
Tặng khác	-	-	-	360.483.058	-	-	-	360.483.058				
Giảm vốn	-	(35.000.000)	-	-	-	-	-	(35.000.000)				
Tại ngày 31/12/2012	623.815.330.000	94.448.344.537	(40.513.254.861)	-	5.991.726.141	45.555.206.481	44.133.884.054	773.431.236.352				
Năm 2013												
Tại ngày 01/01/2013	623.815.330.000	94.448.344.537	(40.513.254.861)	-	5.991.726.141	45.555.206.481	44.133.884.054	773.431.236.352				
Tăng vốn	183.041.550.000	(82.368.697.500)	-	-	-	-	-	100.672.852.500				
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	114.329.983.855	114.329.983.855				
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	(28.315.301.500)	(28.315.301.500)				
Tặng khác	-	-	-	1.279.357.059	-	-	2.391.129.125	3.670.486.184				
Giảm khác	-	(293.026.554)	-	(1.279.357.059)	-	-	-	(1.572.383.613)				
Tại ngày 31/12/2013	806.856.880.000	11.786.620.483	(40.513.254.861)	-	5.991.726.141	45.555.206.481	132.539.695.534	962.216.873.778				

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-DHĐCĐ ngày 29/06/2013, Công ty công bố chi trả cổ tức năm 2012 bằng 5% vốn điều lệ.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013		01/01/2013	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Ông Nguyễn Mạnh Hà	149.323.240.000	18,51%	101.869.043.389	16,33%
Vốn góp của Bà Phạm Thị Hồng	91.331.830.000	11,32%	90.390.841.317	14,49%
Vốn góp của Ông Nguyễn Văn Quang	75.993.250.000	9,42%	71.551.618.351	11,47%
Vốn góp của đối tượng khác	490.208.560.000	60,76%	360.003.826.943	57,71%
	806.856.880.000	100%	623.815.330.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

c)	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	806.856.880.000	623.815.330.000
	- <i>Vốn góp đầu năm</i>	623.815.330.000	577.068.140.000
	- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	183.041.550.000	46.747.190.000
	- <i>Vốn góp cuối năm</i>	806.856.880.000	623.815.330.000
	Cổ tức, lợi nhuận đã chia	28.315.301.500	46.747.190.000
	- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	28.315.301.500	46.747.190.000
d)	Cổ phiếu	31/12/2013	01/01/2013
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.685.688	62.381.533
	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	80.685.688	62.381.533
	- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	80.685.688	62.381.533
	Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.750.930	5.750.930
	- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.750.930	5.750.930
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.934.758	56.630.603
	- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.934.758	56.630.603
	Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
e)	Các quỹ công ty	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
	Quỹ đầu tư phát triển	5.991.726.141	5.991.726.141
	Quỹ dự phòng tài chính	45.555.206.481	45.555.206.481
		51.546.932.622	51.546.932.622
17	TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
	Doanh thu bán thành phẩm	582.944.547.338	710.621.400.131
	Doanh thu bán hàng hóa	2.461.031.623.651	2.104.219.066.647
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.907.663.263	7.297.950.571
		3.053.883.834.252	2.822.138.417.349
18	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
	Hàng bán bị trả lại	1.301.257.144	1.312.607.102
		1.301.257.144	1.312.607.102

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	582.530.409.783	710.596.351.456
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	2.460.144.504.062	2.102.931.508.220
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	9.907.663.263	7.297.950.571
	<u>3.052.582.577.108</u>	<u>2.820.825.810.247</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	589.920.752.010	712.611.758.254
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.371.739.009.808	1.981.052.500.699
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.332.161.695	1.361.806.317
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	29.060.848.720	-
	<u>2.992.052.772.233</u>	<u>2.695.026.065.270</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	17.252.102.546	9.457.028.345
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	479.300.923	532.427.856
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	323.316.750	548.372.744
Cổ tức, lợi nhuận được chia	134.528.000	309.791.800
Lãi bán ngoại tệ	9.515.785	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	765.185.640	809.051.691
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	22.825.247
	<u>18.963.949.644</u>	<u>11.679.497.683</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	48.698.910.207	40.780.723.154
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.247.737.636	47.495.559.954
Lỗ bán ngoại tệ	8.074.114	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	15.304.242.350	3.525.389.063
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.279.357.059	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (*)	(109.053.623.166)	(51.702.129.995)
Chi phí tài chính khác	536.769.157	126.415.603
	<u>(40.978.532.643)</u>	<u>40.225.957.779</u>

(*) Trong đó gồm 107.151.940.166 đồng là hoàn nhập dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến đã được trích lập tại thời điểm 31/12/2012 theo giá cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	716.136.389	1.220.185.413
Chi phí nhân công	10.118.063.609	7.674.678.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.719.323.438	3.207.497.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.750.852.395	9.397.756.889
Chi phí khác bằng tiền	8.145.921.058	2.673.911.146
	29.450.296.889	24.174.029.853

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	283.453.275	398.396.237
Chi phí nhân công	20.337.799.317	10.356.455.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.417.125.629	2.126.840.231
Thuế, phí, lệ phí	68.023.564	20.623.000
Chi phí dự phòng	4.153.919.675	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.006.753.249	366.738.836
Chi phí khác bằng tiền	10.921.618.878	9.746.011.923
	44.188.693.587	23.015.065.497

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	22.007.242.727	-
Bất lợi thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh	69.955.682.790	-
Thu nhập khác	11.871.448.610	6.932.503.589
	103.834.374.127	6.932.503.589

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	14.524.321.476	5.263.446.223
Chi phí khác	6.163.704.760	2.272.632.419
	20.688.026.236	7.536.078.642

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	21.387.187.626	9.249.961.524
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.387.187.626	9.249.961.524

27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.213.834.250	-
	1.213.834.250	-

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	189.918.808
	-	189.918.808

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	622.204.290
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.213.834.250)	-
	(1.213.834.250)	622.204.290

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	114.329.983.855	41.722.284.348
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	114.329.983.855	41.722.284.348
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	70.559.864	58.352.845
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.620	715

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	584.041.316.056	705.790.496.224
Chi phí nhân công	31.056.678.356	19.442.449.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.140.528.376	12.849.739.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.483.444.167	10.476.126.956
Chi phí khác bằng tiền	19.169.937.226	12.603.847.513
	664.891.904.181	761.162.659.921

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.073.159.237	-	291.697.155.978	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	250.034.051.545	(4.378.023.008)	169.502.117.733	-
Đầu tư ngắn hạn	9.588.790.713	(4.275.686.239)	159.442.651.105	(112.695.009.405)
	468.696.001.495	(8.653.709.247)	620.641.924.816	(112.695.009.405)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	601.875.843.572	427.867.037.918
Phải trả người bán, phải trả khác	357.277.330.592	340.374.740.586
Chi phí phải trả	644.017.162	740.680.612
	959.797.191.326	768.982.459.116

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.073.159.237	-	-	209.073.159.237
Phải thu khách hàng, phải thu khác	245.656.028.537	-	-	245.656.028.537
Đầu tư ngắn hạn	5.313.104.474	-	-	5.313.104.474
	<u>460.042.292.248</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>460.042.292.248</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	291.697.155.978	-	-	291.697.155.978
Phải thu khách hàng, phải thu khác	169.502.117.733	-	-	169.502.117.733
Đầu tư ngắn hạn	46.747.641.700	-	-	46.747.641.700
	<u>507.946.915.411</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>507.946.915.411</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	601.875.843.572	-	-	601.875.843.572
Phải trả người bán, phải trả khác	357.081.060.286	196.270.306	-	357.277.330.592
Chi phí phải trả	644.017.162	-	-	644.017.162
	<u><u>959.600.921.020</u></u>	<u><u>196.270.306</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>959.797.191.326</u></u>
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	426.658.903.678	1.208.134.240	-	427.867.037.918
Phải trả người bán, phải trả khác	340.201.189.299	173.551.287	-	340.374.740.586
Chi phí phải trả	740.680.612	-	-	740.680.612
	<u><u>767.600.773.589</u></u>	<u><u>1.381.685.527</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>768.982.459.116</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Hoạt động sản xuất</u>	<u>Hoạt động thương</u>	<u>Tổng cộng toàn</u>
	VND	mại, dịch vụ	doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	582.530.409.783	2.470.052.167.325	3.052.582.577.108
Chi phí bộ phận trực tiếp	589.920.752.010	2.402.132.020.223	2.992.052.772.233
Lợi nhuận gộp	<u>(7.390.342.227)</u>	<u>67.920.147.102</u>	<u>60.529.804.875</u>
Tài sản bộ phận trực tiếp	270.702.530.591	576.948.964.497	847.651.495.088
Tài sản không phân bổ	-	-	1.133.518.082.240
Tổng tài sản	<u>270.702.530.591</u>	<u>576.948.964.497</u>	<u>1.981.169.577.328</u>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.001.198.866.574
Tổng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.001.198.866.574</u>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
		VND	VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	307.323.591.919	432.064.270.888
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	271.975.558.224	224.429.747.490
Thu nhập từ bán tài sản cố định			
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	2.663.300.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	24.861.423.651	4.130.039.785
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	16.964.337.614	-
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	18.423.820.159	-
Phải trả tiền hàng			
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	115.887.886	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông			
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	5.094.330.000	-
Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám Đốc	4.519.341.500	-
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	1.563.087.489	355.359.423
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	16.840.501.897	5.895.595.216
Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám Đốc	22.272.319.359	9.474.186.736


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.378.847.394	2.329.782.000


34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 1, trong kỳ Công ty thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến thành công ty con do Công sở hữu 100% vốn. Do đó, các công ty con của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên và Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng cũng trở thành công ty con do Công ty sở hữu gián tiếp. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng của năm 2012 không bao gồm số liệu của các công ty con được mua trong năm nay, vì vậy không thể so sánh với số liệu năm nay.


Đỗ Thị Kim Dung
Người lập


Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2014

